TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN THÀNH** **TỈNH NGHỆ AN** Bản án số: 23/2019/DS-ST Ngày: 13-11-2019 V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân Thọ - Thẩm phán.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Thanh và ông Nguyễn Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hiền – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án Dân sự thụ lý số: 52 /2019/TLST-DS, ngày 11 tháng 09 năm 2019 về việc " Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo quyết định hoãn phiên tòa số: /2019/QĐST-DS, ngày 17 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Văn Thị Kim L; nơi cư trú: Khối 1, thị trấn Y, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Chu Đình H; nơi cư trú: xóm T, xã Q, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 09 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Bà Văn Thị Kim L trình bày:

Bà là Chủ đại lý phân phối thức ăn chăn nuôi, trong quá trình kinh doanh bà có bán thức ăn chăn nuôi cho Ông Chu Đình H về số lượng, giá trị, thanh toán, nợ chưa thanh toán như sau.

Từ ngày 26/8/2015 đến ngày 7/1/2016 ông H lấy cám với số tiền là 187.566.000 đồng chưa thanh toán.

Ngày 13/1/2016 ông H trả 61.500.000 đồng.

Ngày 18/1/2016 ông H trả 116.066.000 đồng.

Ngày 27/1/2016 ông H lấy cám với số tiền 2.060.000đ chưa thanh toán.

Ngày 5/2/2016 ông H lấy cám với số tiền 5.300.000đ chưa thanh toán.

Ngày 26/2/2016 ông H lấy cám với số tiền 6.500.000 đồng chưa thanh toán.

Ngày 4/3/2016 ông H lấy cám với số tiền 9.620.000 đồng chưa thanh toán

Ngày 17/3/106 ông H lấy cám với số tiền 10.030.000 đồng, chưa thanh toán.

Ngày 27/3/2016 ông H lấy cám với số tiền 10.400.000 đồng chưa thanh toán.

Ngày 11/4/2016 ông H lấy cám với số tiền 20.800.000 đồng chưa thanh toán.

Ngày 30/4/2016 ông H lấy cám với số tiền 21.5800.000 đồng chưa thanh toán.

Ngày 19/5/2016 ông H lấy cám với số tiền là 2.600.000 đồng chưa thanh toán

Ngày 22/5/2016 ông H lấy cám với số tiền 10.400.000 đồng chưa thanh toán.

Ngày 2/6/2016 ông H lấy cám với số tiền 15.600.000 đồng chưa thanh toán.

Ngày 7/6/2016 ông H trả 65.000.000 đồng

Ngày 4/7/2016 ông H lấy cám với số tiền 10.800.000 đồng chưa thanh toán

Ngày 26/7/2016 ông H lấy cám với số tiền 1.400.000 đồng chưa thanh toán.

Ngày 28/7/2016 ông H lấy cám với số tiền 2.800.000 đồng chưa thanh toán.

Ngày 6/8/2016 ông H lấy cám với tổng số tiền 16.050.000 đồng. Anh Hiên trả 44.000.000 đồng

Ngày 29/8/2016 ông H lấy cám với tổng số tiền 27.880.000 đồng, chưa thanh toán.

Ngày 23/12/2016 ông H trả 60.000.000 đồng

Tổng tiền hàng mà Ông Chu Đình H còn nợ đến ngày 23/12/2016 là 41.770.000 đồng. Từ ngày 23/12/2016 bà L đã nhiều lần yêu cầu ông H trả nợ nhưng ông H không trả cho bà thêm một khoản nào.

Nay bà yêu cầu ông H trả số tiền hàng còn nợ là 41.770.000 đồng.

Quá trình làm việc tòa án đã nhiều lần triệu tập nhưng ông H không có mặt

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến trình bày của bà L. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Bị đơn Ông Chu Đình H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H vắng mặt phiên họp không có lý do nên Tòa án tiến hành phiên họp và đã tống đạt hợp lệ kết quả phiên họp cho ông H.

- Tòa án đã tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho ông H, ông H vắng mặt tại phiên tòa lần 2, không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Ông Chu Đình H là phù hợp với khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Quá trình làm việc và tại phiên tòa hôm nay Bà Văn Thị Kim L trình bày bà làm nghề kinh doanh thức ăn gia súc. Ông Chu Đình H là khách hàng thường xuyên mua thức ăn gia súc của bà.Thời gian mua bán, trả tiền bà L khai cụ thể. Ngày 23 tháng 12 năm 2016 hai bên đối chiếu tiền hàng, ông H ký nhận còn nợ 41.770.000 đồng. Từ đó đến nay bà L nhiều lần yêu cầu ông H thanh toán số nợ trên nhưng ông H không trả.

Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về kết quả phiên họp và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nhưng Ông Chu Đình H không có mặt và không có ý kiến gửi tòa án về các vấn đề liên quan đến yêu cầu khởi kiện, chứng cứ do Bà Văn Thị Kim L cung cấp và không có yêu cầu phản tố. Chứng cứ hợp đồng mua bán, sổ theo dõi ký nhận mua hàng không bị tẩy, xóa, có chữ ký bên người bán hàng Văn Thị Kim Loan, có chữ ký của người mua hàng là Chu Đình Hiên

Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 khẳng định chứng cứ mà Bà Văn Thị Kim L cung cấp là hợp lệ.

Vì vậy yêu cầu khởi kiện của Bà Văn Thị Kim L là hoàn toàn có căn cứ nên cần được chấp nhận. Buộc Ông Chu Đình H trả số tiền hàng 41.770.000 đồng cho Bà Văn Thị Kim L.

Về việc trả lãi: Bà Văn Thị Kim L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu của Bà Văn Thị Kim L được chấp nhận nên Ông Chu Đình H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 41.770.000 đồng x 5% = 2.088.500 (Hai triệu không trăm tám mươi tám nghìn, năm trăm đồng).

Hoàn trả cho Bà Văn Thị Kim L số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 430, 431, 432, 433, 436, 440, 453 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 273; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Văn Thị Kim L.

2. Buộc Ông Chu Đình H phải trả cho Bà Văn Thị Kim L số tiền hàng 41.770.000 đồng (bốn mươi mốt triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn đồng)

3. Án phí:

Ông Chu Đình H phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm là 2.088.500 (Hai triệu không trăm, tám mươi tám nghìn, năm trăm đồng).

Bà Văn Thị Kim L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.044.000 đồng (một triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000065 ngày 09 tháng 09 năm 2019 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Yên Thành.

4. Thi hành án và nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất các các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Yên Thành;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu kết quả;
- Đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Xuân Thọ